

Bản án số: 48 / 2024/ DS-ST

Ngày: 11 - 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn. TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 06 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường T, quận H, TP .. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Xuân T – chức vụ: Giám đốc khối QL&TCTTS theo giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020. Ông Mai Xuân T ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Kim X – chức vụ: Giám đốc khối quản lý; Ông Hoàng Thế Q - chức vụ Phó Giám đốc; bà Phan Thị Thanh H; ông Nguyễn Văn L1; bà Lê Thị Thúy H1, đều là chuyên viên. Cùng địa chỉ: Số B đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng(theo giấy ủy quyền số 10809/UQ-PVB ngày 16/5/2024), ông L1 có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H2, Sinh năm 1975. Địa chỉ: K. Bàng A, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam và Ông Đoàn Ngọc T1, Sinh năm: 1975..HKTT: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền cho ông Đoàn Ngọc T1 là bà Đoàn Thị Thu T2 – sinh năm 2003. Địa chỉ: Khôi phố B, phường Đ, T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày :

Bà Lê Thị H2, ông Đoàn Ngọc T1 và Ngân hàng TMCP Đ có ký kết 01 Hợp đồng vay số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022. Hạn mức cho vay: 1.680.000.000 đồng. Thời hạn khoản vay: 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất trong hạn: Ghi nhận tại Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc, lãi: Ngày 25 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 10/2022/HĐBĐ/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022 và tài sản trên đất là nhà ở riêng lẻ, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men; Tổng diện tích sử dụng: 294 m², diện tích xây dựng: 94 m²; Số tầng: Ba (03) tầng. Hợp đồng thế chấp số 10 nêu trên đã được ký kết, công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện Hợp đồng ngân hàng đã giải ngân lần đầu số tiền 1.680.000.000 đồng cho bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 theo Khế ước nhận nợ ngày 13/01/2022. Sau khi bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 tắt toán khoản vay theo Khế ước nhận nợ ngày 13/01/2022 này, ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân lần 2 số tiền: 1.680.000.000 đồng cho bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 theo Khế ước nhận nợ ngày 10/11/2022.

Quá trình thực hiện trả nợ theo cam kết bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 không thực hiện đúng cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản, liên hệ trực tiếp làm việc đề nghị Bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ vi phạm.

Nay Ngân hàng yêu cầu toà án buộc Bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022, Số nợ gốc: 1.679.938.969 đồng; Nợ lãi 382.905.072 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn tính từ ngày 10/11/2022 đến ngày 9/8/2023 là 9.941.918 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 11/9/2024 là 371.876.352 đồng; lãi trong hạn chậm thanh toán tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 11/9/2024 là 1.086.802 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.062.844.041 đồng.

- Kể từ ngày 12/9/2024 bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi tắt toán khoản vay.

Trường hợp bà H2 ông T1 không thực hiện thì tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cấp cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà Lê Thị H2 và đại diện ủy quyền của ông T1 vắng mặt có ý kiến hồ sơ thể hiện:

Bà H2 và ông T1 có thực hiện ký kết với ngân hàng TMCP Đ, Hợp đồng hạn mức cho vay số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022. Số tiền vay 1.680.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cấp cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men, số tầng: Ba (03) tầng, nếu sau này không thực hiện được thì đồng ý để phát mãi thu hồi nợ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo theo đúng quy trình tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468; Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1

Buộc Bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022, Số nợ gốc: 1.679.938.969 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 382.905.072 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.062.844.041 đồng.

- Kể từ ngày 12/9/2024 bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp bà H2 ông T1 không thực hiện thì tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cấp cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi để thu hồi nợ.

Án phí và chi phí tố tụng bị đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà H2 ,ông T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã vắng mặt lần 2 nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị H2 ,ông Đoàn Ngọc T1 và Ngân hàng TMCP Đ có ký kết Hợp đồng vay số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022. Hạn mức vay: 1.680.000.000 đồng. Thời hạn vay: 09 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 10/2022/HĐBĐ/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022 và tài sản trên đất là nhà ở riêng lẻ, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men; Số tầng: Ba (03) tầng.

Thực hiện Hợp đồng ngân hàng đã giải ngân số tiền này cho bà H2 ông T1. Quá trình thực hiện trả nợ theo cam kết bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 không thực hiện đúng cam kết.

Nay Ngân hàng yêu cầu toà án buộc Bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022, số nợ gốc: 1.679.938.969 đồng; Nợ lãi 382.905.072 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn tính từ ngày 10/11/2022 đến

ngày 9/8/2023 là 9.941.918 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 11/9/2024 là 371.876.352 đồng; lãi trong hạn chậm thanh toán tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 11/9/2024 là 1.086.802 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.062.844.041 đồng.

- Kể từ ngày 12/9/2024 bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp bà H2 ông T1 không thực hiện thì tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cấp cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi để thu hồi nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng hạn mức cho vay số 10/2022/HĐTD/PVB-PGD NHS ngày 13/01/2022, được ký kết giữa Ngân hàng và bà H2 ông T1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Trong quá trình thực hiện bà H2 ông T1 đã không thực hiện việc trả nợ đúng hạn là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết nêu trên. Nay Ngân hàng yêu cầu toà án buộc Bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc: 1.679.938.969 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 382.905.072 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.062.844.041 đồng và yêu cầu kể từ 12/9/2024 bà H2 và ông T1 còn phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ. Yêu cầu này phù hợp được chấp nhận.

[5] Đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cấp cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi để thu hồi nợ thì thấy: Hợp đồng thế chấp này đảm bảo đúng qui định pháp luật nên căn cứ Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[6] Án phí bà H2 ông T1 phải chịu 73.256.881 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng bà H2 ông T1 phải chịu, Ngân hàng TMCP Đ đã ứng chi Tòa án thực hiện xong, buộc ông bà phải hoàn lại số tiền này cho ngân hàng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 34.587.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, theo biên lai thu số 0003314 ngày 20/6/2024.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273; Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468; Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP Đ đối với Bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1.

1. Xử:

1.1. Tuyên buộc bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền của Hợp đồng số 10/2022/HĐTD/PVB-PGDNHS ngày 13/01/2022, nợ gốc: 1.679.938.969 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/9/2024 là 382.905.072 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.062.844.041 đồng .

- Kể từ ngày 12/9/2024 bà Lê Thị H2 và ông Đoàn Ngọc T1 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến thanh toán xong khoản nợ.

Nếu bà H2 và ông T1 thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tài sản nhà đất mà ông bà đã thế chấp nêu trên.

Trường hợp bà H2 và ông T1 không thực hiện thì tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 24 (01), tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 773797 do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/06/2008 cấp cho bà Lê Thị H2 đứng tên chủ sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà, mái bê tông cốt thép, tường gạch xây, nền gạch men được xử lý theo Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

2/ Án phí bà H2 ông T1 phải chịu 73.256.881 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng bà H2 ông T1 phải chịu, Ngân hàng TMCP Đ đã ứng chi Tòa án thực hiện xong, buộc ông bà phải hoàn lại số tiền này cho ngân hàng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 34.587.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, theo biên lai thu số 0003314 ngày 20/6/2024.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

- *Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Lương Thị Anh